

Tuần 10 – Tiết 5

Toán : TÍNH CHẤT GIAO HOÁN CỦA PHÉP NHÂN

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Nhận biết được tính chất giao hoán của phép nhân.
- Bước đầu vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để tính toán.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Bảng phụ ghi sẵn:

<i>a</i>	<i>b</i>	<i>a x b</i>	<i>b x a</i>
4	8		
6	7		
5	4		

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH												
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: GV nêu mtiêu giờ học & ghi bảng đê bài.</p> <p>*Ghiệu t/chất giao hoán của phép nhân:</p> <p>a. So sánh gtrị của các cặp phép nhân có thừa số giống nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Viết b/thức 5×7 & 7×5, rồi y/c HS so sánh 2 b/thức này với nhau. - GV: Làm tg tự với 4×3 & 3×4; 8×9 & 9×8... - GV: vậy 2 phép nhân có thừa số giống nhau thì luôn bằng nhau. <p>b. Ghiệu t/chất g/hoán của phép nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Treo Bp, y/c HS th/h tính gtrị biểu thức axb & bxa để điền kqua vào bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. - HS: Nhắc lại đê bài. - HS: Trả lời. 												
<p>- Y/c: Hãy so sánh gtrị của b/thức axb với gtrị của b/thức bxa khi $a=4$ & $b=8$.</p> <p>- Th/h tg tự với các cột còn lại.</p> <p>- Vậy gtrị của b/thức axb luôn ntn so với gtrị của b/thức bxa?</p> <p>- GV: Ta có thể viết: $axb = bxa$.</p> <p>- Hỏi: + Em có nxét gì về các thừa số trg hai tích $axb = bxa$.</p> <p>+ Khi đổi chỗ các thừa số của tích axb cho nhau thì ta đc tích nào?</p> <p>+ Khi đó gtrị của axb có th/đổi khg?</p> <p>+ Khi đổi chỗ các thừa số trg 1 tích thì tích đó ntn?</p> <p>- GV: Y/c HS đọc lại kluận SGK.</p> <p>*Luyện tập-thực hành:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Đọc bảng số. - 3HS lên th/h tính đê hoàn thành bảng. - Điều bằng 32. - HS: TLCH. - Gtrị của b/thức $axb = bxa$. - HS: Đọc $axb = bxa$. - Mỗi tích đều có 2 thừa số là a & b nhg vị trí khác nhau. - Đc tích bxa. - Khg th/đổi. - Thị tích đó khg th/đổi. - HS: Đọc kluận. 												
<p>a</p> <table border="1"> <tr> <td>4</td> <td>8</td> <td>$4 \times 8 = 32$</td> <td>$8 \times 4 = 32$</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>7</td> <td>$6 \times 7 = 42$</td> <td>$7 \times 6 = 42$</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>4</td> <td>$5 \times 4 = 20$</td> <td>$4 \times 5 = 20$</td> </tr> </table>	4	8	$4 \times 8 = 32$	$8 \times 4 = 32$	6	7	$6 \times 7 = 42$	$7 \times 6 = 42$	5	4	$5 \times 4 = 20$	$4 \times 5 = 20$	
4	8	$4 \times 8 = 32$	$8 \times 4 = 32$										
6	7	$6 \times 7 = 42$	$7 \times 6 = 42$										
5	4	$5 \times 4 = 20$	$4 \times 5 = 20$										

<p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: BT y/c ta làm gì? - Ghi $4 \times 6 = 6 \times \square$, y/c HS điền số th/hợp vào \square. - Hỏi: Vì sao điền số 4 vào ô trống? - Y/c HS tự làm tiếp rồi đổi chỗ vở ktra nhau. <p>1a) $207 \times 7 = \square \times 207$</p> <p>b) $3 \times 5 = 5 \times \square$</p> <p>$2138 \times 9 = \square \times 2138$</p> <p>Bài 2a,b:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS tự làm. <p>2a) 1357×5 ; 7×853</p> <p>b) 40263×7 ; 5×1326</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: nxét & cho điểm. <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: CT & quy tắc t/chất g/hoán của phép nhân. - GV:Tổng kết giờ học, dặn HS \triangle làm BT & CBB. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Đọc đề bài. - Điền số 4. - HS: Gthíc. - Làm bài vào VBT & ktra bài của bạn. - 3HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT - Điền số 7. - Điền số 3. - Điền số 9. <p>2a) $1357 \times 5 = 6785$; $7 \times 853 = 5971$</p> <p>b) $40263 \times 7 = 281841$; $5 \times 1326 = 6630$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: Nêu y/c. - HS: làm bài.
---	---

Tổ trưởng kiểm tra

Ban giám hiệu
(Duyệt)

Tuần 11 – Tiết 1

Toán : NHÂN VỚI 10, 100, 1000, ...
CHIA CHO 10, 100, 1000, ...

I. MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết cách thực hiện phép nhân 1 số tự nhiên với 10, 100, 1000, ... và chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000, ...

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm. <p>2) Day-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: Giờ toán hôm nay sẽ giúp biết cách nhân 1STN với 10, 100, 1000, ... & chia các số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, ... cho 10, 100, 1000, ...</p> <p>*Hướng dẫn nhân 1 STN với 10, 100, 1000, ...:</p> <p>a Nhân 1 số với 10:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Viết phép tính 35×10. - Hỏi: + Dựa vào t/chất g/hoán của phép nhân cho biết 35×10 bằng gì? + 10 còn gọi là mấy chục? - Vậy $10 \times 35 = 1$ chục $\times 35$. - Hỏi: + 1 chục nhân với 35 bằng bn? 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng sửa BT, cả lớp theo dõi để nxét. <p>- HS: Nhắc lại đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: Đọc phép tính. - $35 \times 10 = 10 \times 35$ - Là 1 chục. - Bằng 35 chục.

<p>+ $35 \text{ chục} \text{ là } bn?$</p> <p>- Vậy $10 \times 35 = 35 \times 10 = 350$.</p> <p>- Hỏi: + Em có xét gì về thừa số 35 & kqua của phép nhân 35×10 ?</p> <p>+ Vậy khi nhân một số với 10 ta có thể viết ngay kqua của phép tính ntn?</p> <p>- Y/c HS th/h tính: $12 \times 10, 78 \times 10, 457 \times 10, 7891 \times 10$.</p> <p>b. Chia số tròn chục cho 10:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết 350 : 10 & y/c HS suy nghĩ đ để th/h phép tính. - GV: Ta có $35 \times 10 = 350$, vậy khi lấy tích chia cho 1 thừa số thì kqua sẽ là gì? + Vậy 350 chia cho 10 bằng bn? + Có xét gì về số bị chia & thương trg phép chia $350 : 10 = 35$? + Vậy khi chia số tròn chục cho 10 ta có thể viết ngay kqua của phép chia ntn? + Hãy th/h: $70 : 10; 140 : 10; 2170 : 10; 7800 : 10$. <p>*Hdân nhân 1 STN với 100, 1000, ... chia số tròn trăm, tròn nghìn, ... cho 100, 1000, ...</p> <p>Hdân tg tự như nhân 1 STN với 10, chia số tròn chục cho 10.</p> <p>*Kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: + Khi nhân 1 STN với 10, 100, 1000, ... ta có thể viết ngay kqua của phép nhân ntn? + Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, ... cho 10, 100, 1000, ... ta có thể viết ngay kqua của phép chia ntn? <p>*Luyện tập-thực hành:</p> <p>Bài 1a (cột 1,2):</p> <table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">18×10</td> <td style="width: 50%;">82×100</td> </tr> <tr> <td>18×100</td> <td>75×1000</td> </tr> <tr> <td>18×1000</td> <td>19×10</td> </tr> </table> <p>1b (cột 1,2):</p> <table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">$9000 : 10$</td> <td style="width: 50%;">$6800 : 100$</td> </tr> <tr> <td>$9000 : 100$</td> <td>$420 : 10$</td> </tr> <tr> <td>$9000 : 1000$</td> <td>$2000 : 1000$</td> </tr> </table> <p>- GV: Y/c HS tự viết kqua của các phép tính, sau đó lần lượt đọc kqua đ.</p> <p>Bài 2: - GV: Viết $300kg = \dots tạ$ & y/c HS th/h đổi .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS nêu cách làm của mình. - GV: Hdân các bc đổi như SGK: + $100kg$ bằng bn tạ? + Muốn đổi $300kg$ thành tạ ta nhầm: $300 : 100 = 3tạ$ Vậy $300kg = 3 tạ$. - GV: Chữa bài & y/c HS gthíc cách đổi. 	18×10	82×100	18×100	75×1000	18×1000	19×10	$9000 : 10$	$6800 : 100$	$9000 : 100$	$420 : 10$	$9000 : 1000$	$2000 : 1000$	<p>- Bằng 350.</p> <p>- Kqua của phép nhân 35×10 chính là thừa số thứ nhất 35 thêm 1 chữ số 0 vào bên phải.</p> <p>- Ta chỉ việc viết thêm 1 chữ số 0 vào bên phải số đó.</p> <p>- HS: Nhầm & nêu kqua.</p> <p>- HS: suy nghĩ.</p> <p>- Lấy tích chia cho 1 thừa số thì đc kqua là thừa số còn lại.</p> <p>- Bằng 35.</p> <p>- Thương chính là số bị chia xóa đi 1 chữ số 0 ở bên phải.</p> <p>- Ta chỉ việc bỏ bớt đi 1 chữ số 0 ở bên phải số đó.</p> <p>- HS: Nhầm & nêu kqua.</p> <p>- Ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba, ... chữ số 0 vào bên phải số đó.</p> <p>- Ta chỉ việc bỏ bớt đi một, hai, ba, ... chữ số 0 ở bên phải số đó.</p> <p>- HS viết kqua của các phép tính. Lớp n.xét</p> <p>Bài 1a (cột 1,2):</p> <table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">$18 \times 10 = 180$</td> <td style="width: 50%;">$82 \times 100 = 8200$</td> </tr> <tr> <td>$18 \times 100 = 1800$</td> <td>$75 \times 1000 = 75000$</td> </tr> <tr> <td>$18 \times 1000 = 18000$</td> <td>$19 \times 10 = 190$</td> </tr> </table> <p>1b (cột 1,2):</p> <table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">$9000 : 10 = 900$</td> <td style="width: 50%;">$6800 : 100 = 68$</td> </tr> <tr> <td>$9000 : 100 = 90$</td> <td>$420 : 10 = 42$</td> </tr> <tr> <td>$9000 : 1000 = 9$</td> <td>$2000 : 1000 = 2$</td> </tr> </table> <p>- HS: Làm bài vào VBT, sau đó mỗi HS nêu kqua của 1 phép tính.</p> <p>- $300kg = 3 tạ$.</p> <p>- $100kg = 1 tạ$.</p>	$18 \times 10 = 180$	$82 \times 100 = 8200$	$18 \times 100 = 1800$	$75 \times 1000 = 75000$	$18 \times 1000 = 18000$	$19 \times 10 = 190$	$9000 : 10 = 900$	$6800 : 100 = 68$	$9000 : 100 = 90$	$420 : 10 = 42$	$9000 : 1000 = 9$	$2000 : 1000 = 2$
18×10	82×100																								
18×100	75×1000																								
18×1000	19×10																								
$9000 : 10$	$6800 : 100$																								
$9000 : 100$	$420 : 10$																								
$9000 : 1000$	$2000 : 1000$																								
$18 \times 10 = 180$	$82 \times 100 = 8200$																								
$18 \times 100 = 1800$	$75 \times 1000 = 75000$																								
$18 \times 1000 = 18000$	$19 \times 10 = 190$																								
$9000 : 10 = 900$	$6800 : 100 = 68$																								
$9000 : 100 = 90$	$420 : 10 = 42$																								
$9000 : 1000 = 9$	$2000 : 1000 = 2$																								

<ul style="list-style-type: none"> - GV: Nxét & cho điểm HS. - GV yêu cầu HS tính 3 dòng đầu SGK. <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> Dặn dò: \triangle Làm các BT & CBB về nhà. 	<p>70kg = 7 yến 800kg = 8 tạ 300 tạ = 30 tấn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Nêu tg tự như bài mẫu.
--	--

Tuần 11 – Tiết 2

Toán : TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN

I. MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Nhận biết được tính chất kết hợp của phép nhân.
- Bước đầu biết vận dụng tính chất kết hợp của phép nhân trong thực hành tính.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Bp ghi sẵn:

a	b	c	$(a \times b) \times c$	$a \times (b \times c)$
3	4	5		
5	2	3		
4	6	2		

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH			
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*<i>Ghiệu</i>: GV nêu mtiêu giờ học & ghi bảng đê bài.</p> <p>*<i>Ghiệu t/chất kết hợp của phép nhân</i>:</p> <p>a. So sánh gtrị của các b/thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Viết b/thức: $(2 \times 3) \times 4$ & $2 \times (3 \times 4)$, y/c HS tính gtrị của 2 b/thức, rồi so sánh gtrị của 2 b/thức này với nhau. - GV: Làm tg tự với các cặp b/thức khác. <p>b. <i>Ghiệu t/chất k/hợp của phép nhân</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo Bp, y/c HS th/h tính gtrị biểu thức $(axb)xc$ & $ax(bxc)$ để điền kqua vào bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. <p>- HS: Nhắc lại đê bài.</p> <p>- HS: Đọc bảng số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên th/h tính đê hoàn thành bảng. 			
a	b	c	$(a + b) + c$	$a + (b + c)$
3	4	5	$(3 + 4) + 5 = 60$	$3 + (4 + 5) = 60$
5	2	3	$(5 + 2) + 3 = 30$	$5 + (2 + 3) = 30$

4	6	2	$(4 \times 6) \times 2 = 48$	$4 \times (6 \times 2) = 48$
<ul style="list-style-type: none"> - Y/c: Hãy so sánh giá trị của b/thức $(axb)xc$ với giá trị của b/thức $ax(bxc)$ khi $a=3$, $b=4$ & $c=5$? - Th/h tg tự với các cột còn lại. - Vậy giá trị của b/thức $(axb)xc$ luôn ntn so với giá trị của b/thức $ax(bxc)$? - GV: Ta có thể viết: $(axb)xc = ax(bxc)$. - GV: Vừa chỉ vừa nêu: + (axb) đc gọi là một tích hai thừa số, biểu thức $(axb)xc$ có dạng là một tích hai thừa số nhân với số thứ ba, số thứ ba ở đây là c. + Xé b/thức $ax(bxc)$ thì ta thấy a là số thứ nhất của tích (axb), còn (bxc) là tích của số thứ hai & số thứ ba trg b/thức $ax(bxc)$. + Vậy khi th/h nhân 1 tích hai số với số thứ 3 ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ 2 & số thứ 3 - GV: Y/c HS nhắc lại kluận. <p>*Luyện tập-thực hành:</p> <p>Bài 1: - GV: Viết: $2 \times 5 \times 4$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: B/thức này có dạng là tích của mấy số? + Có những cách nào để tính giá trị của b/thức? - GV: Y/c HS tính giá trị của b/thức theo 2 cách. - GV: Nghiên & nêu cách làm đúng, sau đó y/c HS tự làm tiếp các phần còn lại. <p>Bài 2: - Hỏi: BT y/c ta làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết: $13 \times 5 \times 2$. Y/c: Tính giá trị b/thức theo 2 cách. - Hỏi: Trong 2 cách làm này cách nào thuận tiện hơn? Vì sao? - GV: Y/c HS làm tiếp phần còn lại. - GV: Chữa bài & cho điểm HS. <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: Củng cố bài. - GV: Tổng kết giờ học, dặn HS \triangle làm BT & CBB. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đều bằng 15.. - HS: TLCH. - Luôn bằng nhau. - HS: Đọc $(a+b)+c = a+(b+c)$. <ul style="list-style-type: none"> - HS: Đọc kluận. <ul style="list-style-type: none"> - HS: Đọc đề bài. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Ghi chú. - HS làm BT 1a: $4 \times 5 \times 3 = 60 ; 3 \times 5 \times 6 = 90$ <ul style="list-style-type: none"> - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS làm BT 2a còn lại: $5 \times 2 \times 34 = 340$ 			

Tuần 11 – Tiết 3

Toán : NHÂN VỚI SỐ CÓ TẬN CÙNG LÀ CHỮ SỐ 0

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết cách nhân với số có tận cùng là chữ số 0 ; vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm.

II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: Trg giờ học này các em học cách th/h phép nhân với số có tận cùng là chữ số 0.</p> <p>*Hướng dẫn nhân với số có tận cùng là chữ số 0:</p> <p>a. Phép nhân 1324×20:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Viết 1324×20. - Hỏi: + 20 có chữ số tận cùng là mấy? + 20 bằng 2 nhân mấy? - Vậy ta có thể viết: $1324 \times 20 = 1324 \times (2 \times 10)$. - Y/c: + Hãy tính gtrị của $1324 \times (2 \times 10)$. + Vậy 1324×20 bằng bn? - Hỏi: + 2648 là tích của các số nào? + Nxét gtrị của 2648 & 26480? + Số 20 có mấy chữ số 0 ở tận cùng? - Vậy, khi th/h phép nhân 1324×20 ta chỉ việc th/h 1324×2 rồi viết thêm một chữ số 0 vào bên phải tích 1324×2. - Hãy đặt tính & th/h tính 1324×20. - GV: Y/c HS nêu cách th/h phép nhân của mình. - GV: Y/c HS th/h tính: $124 \times 20; 4578 \times 40; 5463 \times 50$ 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng sửa BT, cả lớp theo dõi để nxét. - HS: Nhắc lại đề bài. - HS: Đọc phép tính. - Là 0. - $20 = 2 \times 10 = 10 \times 2$. - 1HS lên bảng tính, cả lớp làm nháp. - Bằng 26480. - Của 1324×2. - 26480 chính là 2648 thêm 1 chữ số 0 vào bên phải. – Có 1 chữ số 0 ở tận cùng. - HS: Nghe giảng. - 1HS lên bảng th/h, cả lớp làm vào nháp. - Nhân 1324 với 2, dc 2648. Viết thêm 1 chữ số 0 vào bên phải 2648 dc 26480. - 3HS lên bảng đặt tính & tính, sau đó nêu cách tính như 1324×20.
<p>b. Phép nhân 230×70:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Viết 230×70 & y/c HS tách số 230 thành tích của 1 số nhân với 10. - Y/c tách tiếp số 70 thành tích của 1 số nhân với 10. - Vậy ta có: $230 \times 70 = (23 \times 10) \times (7 \times 10)$. - Y/c : Áp dụng t/chất g/hoán & k/hợp của phép nhân để tính gtrị của b/thức: $(23 \times 10) \times (7 \times 10)$. - Hỏi: + 161 là tích của các số nào? + Nxét gtrị của 161 & 16100 ? + Số 230 có mấy chữ số 0 ở tận cùng? + Số 70 có mấy chữ số 0 ở tận cùng? + Vậy cả 2 thừa số của phép nhân 230×70 có mấy 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Đọc phép nhân. - $230 = 23 \times 10$. - $70 = 7 \times 10$. - 1HS lên bảng tính, cả lớp làm vào nháp: $(23 \times 10) \times (7 \times 10) = (23 \times 7) \times (10 \times 10)$ $= 161 \times 100 = 16100$ - Là tích của 23×7. - 16100 chính là 161 thêm 2 chữ số 0 vào bên phải. - Có 1 chữ số 0 ở tận cùng.

<p>chữ số 0 ở tận cùng?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vậy khi th/h phép nhân 230×70, ta chỉ việc th/h 23×7 rồi viết thêm 2 chữ số 0 vào bên phải tích 230×7. - Y/c : Hãy đặt tính & th/h tính 230×70. - Y/c: Nêu cách th/h phép nhân của mình. - GV: Y/c HS th/h tính: $1280 \times 30; 4590 \times 40; 2463 \times 500$ <p>*Luyện tập, thực hành:</p> <p>Bài 1: - GV: Y/c HS tự làm rồi nêu cách tính. a) 1342×40 ; b) 13546×30 ; c) 5642×200</p> <p>Bài 2: - GV: Kh/khích HS tính nhẩm, khg đặt tính. a) 1326×300 ; b) 3450×20 ; c) 1450×800</p> <p>3) Củng cố-dặn dò: - GV: Nxết tiết học. - Dặn dò: \triangle Làm BT & CBB sau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có 2 chữ số 0 ở tận cùng. - HS: Nghe giảng. - 1HS lên bảng th/h, cả lớp làm nháp. - Nhân 23 với 7, dc 161. Viết thêm 2 chữ số 0 vào bên phải 161 dc 16100. - 3HS lên bảng đặt tính & tính, sau đó nêu cách tính như với 230×70. - 3 HS lên bảng làm & nêu cách tính, cả lớp làm VBT. <p>a) $1342 \times 40 = 53.780$ b) $13546 \times 30 = 406.380$ c) $5642 \times 200 = 1.128.400$</p> <p>- HS: Tính nhẩm. a) $1326 \times 300 = 397.800$ b) $3450 \times 20 = 69.000$ c) $1450 \times 800 = 1.160.000$</p>
---	--

Tuần 11 – Tiết 4

Toán : ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết đê-xi-mét vuông là đơn vị đo diện tích.
- Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị đê-xi-mét vuông.
- Biết được $1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2$. Bước đầu biết chuyển đổi từ dm^2 sang cm^2 và ngược lại.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: vẽ hình vuông diện tích 1dm^2 dc chia thành 100 ô vg nhỏ, mỗi ô vg có diện tích 1cm^2 .
- HS: Cbị thước & giấy kẻ ô vg $1\text{cm} \times 1\text{cm}$.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên sửa BT luyện tập thêm ở tiết trước, đồng thời kiểm tra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nhận xét & cho điểm HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên sửa bài, cả lớp theo dõi, nxết.
<p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: Giờ học hôm nay các em sẽ dc làm quen với 1đvị đo diện tích khác lớn hơn xăng-ti-mét vg</p> <p>*Ôn tập về xăng-ti-mét vuông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS: vẽ 1 hình vuông có diện tích 1cm^2. - GV: Ktra HS, sau đó hỏi: 1cm^2 là diện tích của hình vg có cạnh dài 1cm? <p>*Ghiệu đê-xi-mét vuông:</p> <p><i>a. Ghiệu đê-xi-mét vuông:</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nhắc lại đê bài. - HS: Vẽ ra giấy kẻ ô. - HS: 1cm^2 là diện tích của hình vg có cạnh dài 1cm.

<ul style="list-style-type: none"> - GV treo h.vg $S=1\text{dm}^2$ & gthieu: Để đo d/tích các hình, người ta còn dùng đvị là đê-xi-mét vg. - Gthieu: Hình vg trên bảng có diện tích là 1dm^2. - GV: Y/c HS th/h đo cạnh của hình vg. => 1dm^2 chính là d/tích of hình vg có cạnh dài 1dm. - Hỏi: Xăng-ti-mét vg viết kí hiệu ntn? + Dựa vào cách kí hiệu xăng-ti-mét vg, nêu cách kí hiệu của đê-xi-mét vg? - GV: Đê-xi-mét vg viết kí hiệu là dm^2. - GV: Viết các số đo diện tích: 2cm^2, 3dm^2, 24dm^2 & y/c HS đọc các số đo này. b. <i>Mqhé giữa xăng-ti-mét vuông & đê-xi-mét vuông:</i> - GV nêu bài toán: Hãy tính diện tích của hình vg có cạnh dài 10cm? - Hỏi: 10cm bằng bn đê-xi-mét? - GV: Vậy hình vg cạnh 10cm có diện tích bằng diện tích hình vg cạnh 1dm. - Hỏi: Hình vg cạnh 10cm có diện tích là bn? + Hình vg có cạnh 1dm có diện tích là bn? - GV: Vậy $100\text{cm}^2 = 1\text{dm}^2$ - Y/c HS qsát hvẽ để thấy hình vg có diện tích 1dm^2 bằng 100 hình vuông có diện tích 1cm^2 xếp lại. - GV: Y/c HS vẽ hình vuông có diện tích 1dm^2. 	<ul style="list-style-type: none"> - cạnh của hình vg là 1dm. - Xăng-ti-mét vg kí hiệu là cm^2. - Nêu: Là kí hiệu của đê-xi-mét viết thêm số 2 ở phía trên, bên phải (dm^2). - HS: Đọc. - HS: Tính & nêu: $10\text{ cm} \times 10\text{ cm} = 100\text{cm}^2$. - $10\text{ cm} = 1\text{ dm}$. - Là 100 cm^2. - Là 1dm^2. - HS đọc: $100\text{ cm}^2 = 1\text{dm}^2$. - HS: Vẽ vào giấy có kẻ sẵn các ô vuông $1\text{cm} \times 1\text{cm}$.
---	---

*Luyện tập, thực hành:

Bài 1:

32dm^2 ; 911dm^2 ; 1952dm^2 ; $492\ 000\text{dm}^2$

- GV: Viết các số đo diện tích có trong bài & 1 số các số đo khác, chỉ định HS đọc.

- HS: Th/hành đọc các số đo diện tích có đvị là đê-xi-mét vg.

32dm^2 = Ba mươi hai đê-xi-mét vuông.

911dm^2 = Chín trăm mươi một đê-xi-mét vuông.

1952dm^2 = Một nghìn chín trăm năm mươi hai đê-xi-mét vuông.

$492\ 000\text{dm}^2$ = Bốn trăm chín mươi hai nghìn đê-xi-mét vuông.

- Bài 2:** - GV: Lần lượt đọc các số đo diện tích có trg bài & các số đo khác, y/c HS viết theo thứ tự đọc.

- GV: Chữa bài.

- 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.
- HS: Nxét bài làm của bạn & đổi chéo vở để ktra.

VIẾT

+ **102dm^2**

+ **812dm^2**

+ **1969dm^2**

+ **2812dm^2**

- HS: Tự điền vào VBT.

+Một trăm linh hai đê-xi-mét vuông.

+Tám trăm mươi hai đê-xi-mét vuông.

+Một nghìn chín trăm sáu mươi chín đê-xi-mét vuông

+Hai nghìn tám trăm mươi hai đê-xi-mét vuông.

- HS: Điền: $48\text{ dm}^2 = 4800\text{ cm}^2$.

- HS nêu: $1\text{dm}^2 = 100\text{ cm}^2$. Nhẩm $48 \times 100 = 4800$. Vậy $48\text{ dm}^2 = 4800\text{ cm}^2$.

- Bài 3:** - GV: Y/c HS tự điền cột đtiên trg bài.

- GV: Viết $48\text{dm}^2 = \dots\text{cm}^2$

- GV: Y/c HS điền số th/hợp vào chỗ trống.

<ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: Vì sao em điền dc như vậy? - GV: Nhắc lại cách đổi: Vì đê-xi-mét vg gấp 100 lần xăng-ti-mét vg nên khi th/h đổi dvị diện tích từ đê-xi-mét vg ra dvị diện tích xăng-ti-mét vg ta nhân số đo đê-xi-mét vg với 100 (thêm 2 số 0 vào bên phải số đo có dvị là đê-xi-mét vg). - GV: Viết $2000 \text{ cm}^2 = \dots \text{ dm}^2$. - Y/c HS suy nghĩ tìm số th/h điền vào chỗ trống. - Hỏi: Vì sao em điền dc như vậy? - GV: Nhắc lại cách đổi (tg tự như trên). - GV: Y/c HS tự làm phần còn lại của BT. <p>3) Củng cố-dẫn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Nxét tiết học. - Dẫn dò: \triangle Làm BT & CBB sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nghe giảng. - HS: Điền & nêu theo y/c. $2000 \text{ cm}^2 = 20\text{dm}^2$. $1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2 ; 100\text{cm}^2 = 1\text{dm}^2$ $1997\text{dm}^2 = 199700\text{cm}^2$ $9900\text{cm}^2 = 99\text{dm}^2$.
---	---

Tuần 11 – Tiết 5

Toán : MÉT VUÔNG

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết mét vuông là đơn vị đo diện tích ; đọc, viết được “mét vuông”, “ m^2 ”.
- Biết được $1\text{m}^2 = 1000\text{dm}^2$. bước đầu biết chuyển đổi từ m^2 sang dm^2 , cm^2 .

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: GV vẽ sẵn trên bảng hình vg có diện tích 1m^2 dc chia thành 100 ô vg nhỏ, mỗi ô vg có diện tích là 1dm^2 .

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1)KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm. <p>2)Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: Giờ toán hôm nay các em sẽ dc làm quen với 1 dvị đo d/tích khác, lớn hơn các dvị đo d/tích đã học, đó là mét vg.</p> <p>*Ghiệu mét vuông (m^2):</p> <p>a/ Ghiệu mét vuông (m^2):</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Treo bảng hvg có $S=1\text{m}^2$ dc chia thành 100 hvg nhỏ, mỗi hình có $S=1\text{dm}^2$. - Y/c HS nxét hvg trên bảng: <ul style="list-style-type: none"> + Hình vuông lớn có cạnh dài bao nhiêu? Hình vuông nhỏ có độ dài bao nhiêu? + Cạnh của hình vuông lớn gấp mấy lần cạnh hình vuông nhỏ? + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu? + Hình vuông lớn bằng bn hvg nhỏ ghép lại? + Vậy diện tích hvg lớn bằng bn? - Nêu: Vậy hvg cạnh dài 1m có diện tích bằng tổng diện tích của 100 hvg nhỏ có cạnh dài 1dm. - Ngoài dvị đo diện tích là cm^2 & dm^2 người ta còn dùng dvị đo diện tích là mét vg. Mét vg là diện tích của 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. - HS: Nhắc lại đê bài. - HS: Qsát hình. - Là 1m (10dm). - Là 1dm. - Gấp 10 lần. - Là 1dm^2. - Bằng 100 hình. - Bằng 100dm^2.
	<ul style="list-style-type: none"> - $1\text{m}^2 = 100 \text{dm}^2$ - HS : Nêu lại.

<p>hvg có cạnh dài 1m. Mét vg viết tắt là m^2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: $1m^2$ bằng bn đê-xi-mét vg? - Ghi: $1m^2 = 100 dm^2$. - Hỏi: + $1dm^2$ bằng bn xăng-ti-mét vg? + Vậy $1m^2$ bằng bn xăng-ti-mét vg? - Ghi: $1m^2 = 10\ 000 cm^2$. - GV: Y/c HS nêu lại mqhệ giữa mét vg với đê-xi-mét vg & với xăng-ti-mét vg. 	<ul style="list-style-type: none"> - $1m^2 = 100 dm^2$ - $1m^2 = 10\ 000 cm^2$. - HS: Nêu lại. - HS: Làm bài vào VBT, sau đó đổi chéo vở ktra nhau.
<p>*Luyện tập, thực hành:</p> <p>Bài 1: - GV: BT y/c đọc & viết các số đo diện tích theo mét vg, khi viết kí hiệu mét vg (m^2) chú ý viết số 2 ở phía trên, bên phải của kí hiệu mét (m).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS tự làm bài. - GV: Gọi 5HS lên bảng nghe GV đọc các số đo diện tích theo mét vg & viết. - GV: Chỉ bảng, y/c HS đọc lại các số đo vừa viết. <p>Bài 2: - GV: Y/c HS tự làm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS gthíc cách điền số ở cột bên phải của bài: + Vì sao em điền dc: $100 dm^2 = 1m^2$. - GV: Nhắc lại cách đổi này. - Hỏi tg tự với các tr/h còn lại. <p>Bài 3: - GV: Y/c HS đọc đê.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Hdẫn HS yếu làm BT: + Người ta dùng hết bn viên gạch để lát nền phòng + Vậy d/tích phòng chính là d/tích of bn viên gạch + Mỗi viên gạch có diện tích là bn? + Vậy diện tích của căn phòng là bn mét vg? - GV: Y/c HS tr/b bài giải. - GV: Nxét & cho điểm HS. <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV:Tổng kết giờ học, dặn HS \triangle làm BT & CBB. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Viết. - 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Nêu theo y/c. - HS: Gthíc. - HS: Đọc đê. $1m^2 = 100dm^2$; $1m^2 = 10\ 000cm^2$. $10\ 000cm^2 = 1m^2$. - Hết 200 viên gạch. - Là diện tích của 200 viên gạch. - HS: Tính & nêu.

Tổ trưởng kiểm tra

Ban giám hiệu
(Duyệt)

Tuần 12 – Tiết 1

Toán : NHÂN MỘT SỐ VỚI MỘT TỔNG

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết thực hiện phép nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Bp kẻ sẵn nội dung BT1.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
-------------------------	------------------------

<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: GV nêu mtiêu giờ học & ghi bảng đê bài.</p> <p>*Tính & so sánh gtrị của 2 b/thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết lên bảng 2 b/thức: $4 \times (3 + 5)$ & $4 \times 3 + 4 \times 5$ - GV: Y/c HS tính gtrị 2 b/thức. - Hỏi: Gtrị 2 b/thức này ntn? - Nêu: Ta có: $4 \times (3 + 5) = 4 \times 3 + 4 \times 5$. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. - HS: Nhắc lại đê bài. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm nháp. - Gtrị 2 b/thức này bằng nhau.
<p>*Quy tắc một số nhân với một tổng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Chỉ vào b/thức: $4 \times (3 + 5)$ & nêu: 4 là 1 số, $(3+5)$ là 1 tổng. Vậy b/thức $4 \times (3 + 5)$ có dạng tích của 1 số nhân với 1 tổng. - Y/c HS: Đọc b/thức phía bên phải dấu (=) & nêu: Tích 4×3 chính là tích của số thứ nhất trg b/thức $4 \times (3+5)$ nhân với 1 số hạng của tổng $(3 + 5)$. Tích thứ hai 4×5 cũng là tích của số thứ nhất trg b/thức $4 \times (3+5)$ nhân với số hạng còn lại của tổng $(3+5)$. Như vậy, b/thức $4 \times 3 + 4 \times 5$ chính là tổng của các tích giữa số thứ nhất trg b/thức $4 \times (3 + 5)$ với các số hạng khác của tổng $(3+5)$. - Khi th/h nhân 1 số với 1 tổng ta có thể làm thế nào - GV: + Gọi số đó là a, tổng là $(b+c)$, hãy viết b/thức a nhân với tổng $(b+c)$? + B/thức $a \times (b+c)$ có dạng là 1 số nhân với 1 tổng, khi th/h tính gtrị b/thức này ta còn có cách nào ? Hãy viết b/thức đó? - Nêu: $a \times (b+c) = a \times b + a \times c$. - Y/c HS: Nêu lại quy tắc này. <p>*Luyện tập-thực hành:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy số đó nhân với từng số hạng của tổng rồi cộng các kqua lại với nhau. - Viết: $a \times (b+c)$ - Viết: $a \times b + a \times c$ - HS: Viết & đọc lại CT bên. - HS: Nêu như phần bài học SGK.
<p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: BT y/c ta làm gì? - GV: Treo Bp đã cbị & y/c HS đọc nd các cột. - Hỏi: Ta phải tính gtrị của các b/thức nào? - GV: Y/c HS tự làm bài. GV chữa bài. - Hỏi cung cđ lại quy tắc 1 số nhân 1 tổng: Nếu $a=4$, $b=5$, $c=2$ thì gtrị của 2 b/thức: $a \times (b+c) \text{ & } a \times b + a \times c$ - Hỏi tg tự với các tr/h còn lại. - Hỏi: Như vậy gtrị của 2 b/thức $a \times (b+c)$ & $a \times b + a \times c$ luôn ntn với nhau khi thay các chữ a, b, c bằng cùng 1 bộ số? <p>Bài 2: - Hỏi: BT a y/c ta làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hdñ: Hãy áp dụng quy tắc 1 số nhân 1 tổng, - GV: Y/c HS tự làm bài. - Hỏi: Trg 2 cách tính này cách nào thuận tiện hơn? - Ghi: $38 \times 6 + 38 \times 4$, y/c: Tính gtrị b/thức theo 2 cách. - GV: Giảng cách làm thứ 2: B/thức $38 \times 6 + 38 \times 4$ có 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nêu y/c. - HS: Đọc thầm. - Bthức $a \times (b+c)$ & b/thức $a \times b + a \times c$. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Nêu theo y/c. - Luôn bằng nhau. - HS: Nêu y/c. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - Cách 1 vì tính tổng đgiản, sau đó nhân nhầm đc. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.

<p>dạng là tổng của 2 tích. 2 tích này có chung 1 thừa số là 38, nên ta đưa b/thức về dạng 1 số (là thừa số chung của 2 tích) nhân với tổng của các thừa số khác nhau của tích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS làm tiếp. <p>a) $36 \times (7 + 3)$</p> <p>b) $5 \times 38 + 5 \times 62$</p> <p>- Hỏi: Trong 2 cách này, cách nào thuận tiện hơn? - GV: Nxét & cho điểm HS.</p> <p>Bài 3: - GV: Y/c HS tính gtrị 2 b/thức trong bài. - Hỏi: + Gtrị 2 b/thức ntn so với nhau? + B/thức thứ nhất, thứ hai có dạng ntn? + Có nxét gì về các thừa số của các tích trg b/thức thứ 2 so với các số trg b/thức thứ nhất? + Khi th/h nhân 1tổng với 1số ta có thể làm thế nào - GV: Y/c HS ghi nhớ quy tắc nhân 1 tổng với 1 số.</p> <p>3) Củng cố-dặn dò: - Hỏi: Củng cố bài. - GV:Tổng kết giờ học, dặn HS \triangle làm BT & CBB.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. <p>a) Cách 1: $36 \times (7 + 3) = 36 \times 7 + 36 \times 3 = 252 + 108 = 360.$</p> <p>Cách 2: $36 \times (7 + 3) = 36 \times 10 = 360.$</p> <p>b) Cách 1: $5 \times 38 + 5 \times 62 = 190 + 310 = 500.$</p> <p>Cách 2: $5 \times (38 + 62) = 5 \times 100 = 500.$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách 2 vì ... <p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: Trả lời theo y/c. <p>- Lấy từng số hạng của tổng nhân với số đó rồi cộng các kqua với nhau.</p>
--	---

Tuần 12 – Tiết 2

Toán : MỘT SỐ NHÂN VỚI MỘT HIỆU

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết cách th/h nhân một số với một hiệu, một hiệu với một số.
- Áp dụng nhân một số với một hiệu, một hiệu với một số để tính nhẩm, tính nhanh.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Bp kẻ sẵn nd BT1/ 67-SGK.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
-------------------------	------------------------

<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: GV nêu mtiêu giờ học & ghi bảng đê bài.</p> <p>*Tính & so sánh gtrị của 2 b/thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết lên bảng 2 b/thức: $3 \times (7 - 5)$ & $3 \times 7 - 3 \times 5$ - GV: Y/c HS tính gtrị 2 b/thức. - Hỏi: Gtrị 2 b/thức này ntn? - Nêu: Ta có: $3 \times (7 - 5) = 3 \times 7 - 3 \times 5$. <p>*Quy tắc một số nhân với một tổng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Chỉ vào b/thức: $3 \times (7 - 5)$ & nêu: 3 là 1 số, $(7-5)$ là 1 hiệu. Vậy b/thức $3 \times (7 - 5)$ có dạng tích của 1 số nhân với 1 hiệu. - Y/c HS: Đọc b/thức phía bên phải dấu (=) & nêu: Tích 3×7 chính là tích của số thứ nhất trg b/thức $3 \times (7 - 5)$ nhân với 1 số bị trừ của hiệu $(7-5)$. Tích thứ hai 7×5 cũng là tích của số thứ nhất trg b/thức $7 \times (7-5)$ nhân với số trừ của hiệu $(7-5)$. Như vậy, b/thức $3 \times 7 - 3 \times 5$ chính là hiệu của tích giữa số thứ nhất trg b/thức $3 \times (7-5)$ trừ đi tích của số này với số trừ của hiệu $(7-5)$. - Khi th/h nhân 1 số với 1 hiệu ta có thể làm thế nào - GV: + Gọi số đó là a, hiệu là $(b-c)$, hãy viết b/thức a nhân với hiệu $(b-c)$? + B/thức $a \times (b-c)$ có dạng là 1 số nhân với 1 hiệu, khi th/h tính gtrị b/thức này ta còn có cách nào khác? Hãy viết b/thức đó? - Nêu: $a \times (b-c) = a \times b - a \times c$. - Y/c HS: Nêu lại quy tắc này. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. - HS: Nhắc lại đê bài. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm nháp. - Gtrị 2 b/thức này bằng nhau. - <ul style="list-style-type: none"> - Lần lượt nhân số đó với số bị trừ & số trừ, rồi trừ hai kqua lại cho nhau. - Viết: $a \times (b-c)$ - Viết: $a \times b - a \times c$ - HS: Viết & đọc lại CT bên. - HS: Nêu như phần bài học SGK.
<p>*Luyện tập-thực hành:</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: BT y/c ta làm gì? - GV: Treo Bp đã cbị & y/c HS đọc nd các cột. - Hỏi: Ta phải tính gtrị của các b/thức nào? - GV: Y/c HS tự làm bài. - GV chua bài. - Hỏi củng cố lại quy tắc 1 số nhân 1 hiệu - Hỏi: Như vậy gtrị của 2 b/thức $a \times (b-c)$ & $a \times b - a \times c$ luôn ntn với nhau khi thay các chữ a, b, c bằng cùng 1 bộ số? <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: y/c HS đọc đê. - Hỏi: + Bài toán y/c ta làm gì? + Muốn biết cửa hàng còn lại bn quả trứng ta phải biết đc gì? - Kh/định 2 cách đều đúng & gthíc thêm về cách 2 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nêu y/c. - HS: Đọc thầm. - Bthức $a \times (b-c)$ & b/thức $a \times b - a \times c$. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Nêu theo y/c. - <ul style="list-style-type: none"> - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: nêu y/c. - Tìm số trứng cửa hàng còn lại sau khi bán.

<ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS tự làm bài. - Y/c xét 2 cách làm & rút ra cách thuận tiện hơn? <p>Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS tính giá trị 2 b/thức trung bài. - Hỏi: + Giá trị 2 b/thức ntn so với nhau? + B/thức thứ nhất, thứ hai có dạng ntn? + Có xét gì về các thừa số của các tích trung b/thức thứ 2 so với các số trung b/thức thứ nhất? + Khi th/h nhân 1 hiệu với 1 số ta có thể làm thế nào - GV: Y/c HS ghi nhớ quy tắc nhân 1 hiệu với 1 số. <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: Củng cố bài. - GV: Tổng kết giờ học, dặn HS Δ làm BT & CBB. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nêu theo y/c. - 2HS lên bảng làm, mỗi em làm 1 cách, cả lớp làm VBT. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: TLCH.
---	---

Tuần 12 – Tiết 3

Tổán : LUYỆN TẬP

I.MỤC TIÊU: Giúp HS củng cố về:

- Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu) trong thực hành tính, tính nhanh.

II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1) KTBC:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT lặp thêm ở tiết trước, đồng thời kiểm tra VBT của HS. - GV: Sửa bài, xét & cho điểm HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn.
2) Dạy-học bài mới:	
<ul style="list-style-type: none"> *Ghi hiệu: GV nêu mục tiêu giờ học & ghi đề bài. *Hướng dẫn luyện tập: 	
Bài 1(dòng 1):	
<ul style="list-style-type: none"> - GV: Nêu ý/c của BT, sau đó cho HS tự làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS áp dụng tính chất 1 số nhân 1 tổng (1 hiệu) để tính. 2HS lên bảng làm, lớp làm VBT.
a) $135 \times (20 + 3)$	a) $135 \times (20 + 3) = 135 \times 23 = 3105$
b) $642 \times (30 - 6)$	b) $642 \times (30 - 6) = 642 \times 24 = 15408$
- GV: Xét & cho điểm HS.	
Bài 2:	
<ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: BT a y/c ta làm gì? - Viết: $134 \times 4 \times 5$. - Y/c HS th/h tính giá trị b/thức bằng cách thuận tiện. - Hỏi: Cách làm này thuận tiện hơn cách làm thông 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nêu ý/c. a) $134 \times 4 \times 5 = 134 \times 20 = 2680$ - HS th/h tính. - Vì tích 1 là tích trung bảng còn tích 2 có

<p>thường ở điểm nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS tự làm các phần còn lại. - GV: Chữa bài & y/c HS đổi chéo vở ktra nhau. - GV: Th/h tg tự với phần b. - Hỏi: Ta đã áp dụng t/chất nào để tính giá trị của b/thức này? - Y/c HS nêu lại t/chất. - Y/c HS làm tiếp các bài còn lại. - GV: Nxét & cho điểm HS. <p>Bài 3: - GV: Y/c HS áp dụng t/chất nhân 1 số với 1 tổng (hoặc 1 hiệu) để th/h tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Sửa bài & cho điểm HS. <p>Bài 4: - GV: Y/c HS đọc đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS tự làm bài. - GV: Nxét & cho điểm HS. <p>3) Cung cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: T/kết giờ học, dặn : \triangle Làm BT & CBB sau. 	<p>thể nhẩm dc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. <p>a) $5 \times 36 \times 2 = 36 \times 10 = 360.$</p> $42 \times 2 \times 7 \times 5 = 42 \times 10 \times 7 = 420 \times 7 = 2940.$ <p>b) $137 \times 3 + 137 \times 97 = 137 \times (3 + 97) = 137 \times 100 = 13700.$</p> $428 \times 12 - 428 \times 2 = 428 \times (12 - 2) = 428 \times 10 = 4280.$ <ul style="list-style-type: none"> - Tiện hơn vì tính tổng là số tròn trĩnh rồi nhân nhẩm dc => t/ch 1 số nhân 1 tổng. - 1HS nêu, cả lớp theo dõi & nxét. - 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Đổi chéo vở ktra nhau. - 3HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Đổi chéo vở ktra nhau. - 1HS đọc đề. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.
--	--

Tuần 12 – Tiết 4

Toán : NHÂN VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết cách nhân với số có hai chữ số.
- Biết giải bài toán liên quan đến phép nhân với số có hai chữ số.

II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
--------------------------------	-------------------------------

<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên y/c làm BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm HS. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết cách th/h phép nhân với số có hai chữ số.</p> <p>*Phép nhân 36 x 23</p> <p><i>a. Đi tìm kết quả:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Viết phép nhân: 36×23. - GV: Y/c HS áp dụng t/ch 1 số nhân 1 tổng để tính. - Vậy 36×23 bằng bn? <p><i>b. Hỗn đăt tính & tính:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu vđề: Để tính 36×23, theo cách tính trên ta phải th/h 2 phép nhân là 36×20 & 36×3, sau đó th/h 1 phép tính cộng $720 + 108$, nên rất mất công. Để tránh th/h nhiều bc tính, ta tiến hành đăt tính & th/h tính nhân theo cột dọc. Dựa vào cách đăt tính nhân với số có 1 chữ số hãy đăt tính 36×23. - Nêu cách đăt tính đúng: Viết 36 rồi viết 23 xg dưới sao cho hàng đvị thẳng hàng đvị, hàng chục thẳng hàng chục, viết dấu nhân rồi kẻ gạch ngang. - Hỗn th/h phép nhân: 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. - HS: Nhắc lại đđ bài. <p>- HS tính: $36 \times 23 = 36 \times (20+3)$ $= 36 \times 20 + 36 \times 3 = 720 + 108 = 828$</p> <p>- Bằng 828.</p> <p>- 1HS lên bảng đăt tính, cả lớp đăt tính vào nháp.</p> <p>- HS: Đặt tính lại theo hđn.</p> <p>- HS: Theo dõi GV th/h phép nhân.</p>
--	---

<p>36 * Lần lượt nhân rồng chữ số của 23 với 36 theo thứ tự từ phải sang trái: x 23 - 3 nhân 6 bằng 18, viết 8 nhớ 1; 3 nhân 3 bằng 9, thêm 1 bằng 10, viết 10. 108 - 2 nhân 6 bằng 12, viết 2 (dưới 0) nhớ 1 ; 2 nhân 3 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7. 72 *Th/h cộng hai tích vừa tìm được với nhau: 828 - hạ 8; 0 cộng 2 bằng 2, viết 2; 1 cộng 7 bằng 8, viết 8.</p>	<p>*Vậy: $36 \times 23 = 828$</p>
<p>- GV gthiệu: + 108 gọi là tích riêng thứ nhất. + 72 gọi là tích riêng thứ hai. tích riêng thứ hai đc viết lùi sang bên trái 1 cột vì nó là 72 chục, nếu viết đầy đủ phải là 720. - GV: Y/c HS đặt tính & th/h lại phép nhân 36×23. - GV: Y/c HS nêu lại từng bc nhân.</p>	<p>- HS: nêu các bc như trên.</p>
<p>*Luyện tập-thực hành: Bài 1: - Hỏi: BT y/c ta làm gì?</p>	<p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm vào nháp. - HS: Nêu như SGK.</p>
<p>- GV: Các phép tính trg bài đều là các phép nhân với số có hai chữ số, ta th/h tg tự như với phép nhân 36×23.</p>	<p>- HS: Nêu y/c. - 4HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p>
<p>- GV: Chữa bài & y/c HS nêu cách tính của từng phép nhân.</p>	<p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.</p>
<p>Bài 2: - Hỏi: BT y/c cta làm gì?</p>	<p>- HS: Nêu y/c. - HS: TLCH.</p>
<p>+ Ta phải tính gtrị của b/thức $45x a$ với những gtrị nào của a?</p>	<p>- Thay chữ bằng số, sau đó th/h phép nhân.</p>
<p>+ Muốn tính gtrị b/thức $45x a$ với $a=13$ ta làm ntn?</p>	<p>- 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT</p>
<p>- GV: Y/c HS làm bài, nhắc HS đặt tính ra nháp.</p>	

<p>+ Với $a = 13$ thì $45 \times a = 45 \times 13 = 585$</p> <p>+ Với $a = 13$ thì $45 \times a = 45 \times 13 = 585$</p> <p>+ Với $a = 13$ thì $45 \times a = 45 \times 13 = 585$</p>	
<p>- GV: Nxét & cho điểm HS.</p> <p>Bài 3: - GV: Y/c HS đọc đề rồi tự làm BT.</p> <p>- GV: Chữa bài trc lớp.</p> <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <p>- GV: T/kết giờ học, dặn : \triangle Làm BT & CBB sau.</p>	<p>- HS: Đọc đề.</p> <p>- HS làm bài, sau đó đổi chỗ vở để ktra nhau.</p>

Tuần 12 – Tiết 5

Đoán : LUYỆN TẬP

I.MỤC TIÊU: Giúp HS củng cố về:

- Thực hiện được nhân với số có hai chữ số.
- Vận dụng được vào giải bài toán có phép nhân với số có hai chữ số.

II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét & cho điểm HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn.
<p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: GV nêu mtiêu giờ học & ghi đề bài.</p> <p>*Hướng dẫn luyện tập:</p> <p>Bài 1: - GV: Y/c HS tự đặt tính rồi tính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.
<ul style="list-style-type: none"> - GV: Chữa bài, khi chữa bài y/c HS vừa lên bảng lần lượt nêu rõ cách tính của mình. - GV: Nxét & cho điểm HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nêu cách tính.
<p>Bài 2: - GV: Kẻ bảng số như BT lên bảng, y/c HS nêu nd của từng dòng trg bảng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: + Làm thế nào để tìm dc số điền vào ô trống trg bảng. + Điền số nào vào ô trống thứ nhất? - GV: Y/c HS tự làm các phần còn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nêu theo y/c. - HS: TLCH. - HS: Th/h điền. - HS: Làm bài rồi đổi chỗ vở ktra nhau.
<p>Bài 3: - GV: Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS tự làm bài. - GV: Nxét & cho điểm HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nêu y/c. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.
<p>Bài 4: - GV: Y/c HS đọc đề sau đó tự làm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT.

- GV: Chữa bài & cho điểm HS.

Bài 5: Th/h tg tự BT 4.

3) *Củng cố-dặn dò:*

- GV: T/kết giờ học, dặn : △ Làm BT & CBB sau.

Tuần 13

(Từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....)

Tiết 1 - **Toán : GIỚI THIỆU NHÂN NHẨM SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI 11**

I.MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.

II.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG HỌC SINH	BỔ SUNG
1) KTBC: <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. 	
2) Dạy-học bài mới: <p>*Ghiệu: Giờ toán hôm nay các em biết cách th/h nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.</p> <p>*Phép nhân 27 x 11 (tr/h tổng hai chữ số bé hơn 10):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết 27×11 & y/c HS đặt tính & tính. - Hỏi:+ Có nxét gì về 2 tích riêng of phép nhân này + Hãy nêu rõ bc th/h cộng 2 tích riêng của phép nhân 27×11. - GV: Như vậy, khi cộng hai tích riêng của phép nhân 27×11 với nhau ta chỉ cần cộng 2 chữ số của 27 ($2+7=9$) rồi viết 9 vào giữa hai chữ số của 27. - Hỏi: Có nxét gì về kqua của phép nhân $27 \times 11 = 297$ so với số 27. Các chữ số giống & khác nhau ở điểm nào? - Vậy ta có cách nhân nhẩm 27 với 11 như sau: <ul style="list-style-type: none"> • $2 + 7 = 9$ • Viết 9 vào giữa hai chữ số của 27 đc 297. • Vậy $27 \times 11 = 297$. - GV: Y/c HS nhân nhẩm 41×11. - GV nxét & nêu vđề: Các số $27, 41, \dots$đều có tổng hai chữ số < 10, với tr/h tổng hai chữ số > 10 như $48, 57, \dots$ thì sao? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nhắc lại đê bài. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm nháp. - 2 tích riêng của phép nhân này đều bằng 27. - HS: Nêu. - HS: Nêu nxét. - HS: Nhẩm. 	
<p>*Phép nhân 48×11 (tr/h tổng hai chữ số lớn hơn hoặc bằng 10):</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Viết phép tính & y/c HS tính kqua. - Hỏi: Nxét về 2 tích riêng của phép nhân? - Y/c HS: Nêu rõ bc th/h cộng 2 tích riêng. - GV: Y/c HS từ bc cộng 2 tích riêng nxét về các chữ số trg kqua phép nhân này. Rút ra cách nhẩm: <ul style="list-style-type: none"> • $4 + 8 = 12$ • Viết 2 vào giữa hai chữ số của 48, đc 428. • Thêm 1 vào 4 của 428, đc 528. • Vậy $48 \times 11 = 528$. - Y/c HS: Nêu lại cách nhân nhẩm 48×11. - Y/c HS: Th/g nhân nhẩm 75×11. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Nhân nhẩm & nêu cách nhẩm. - HS: nêu nxét. - HS: Nêu. - HS: Nghe giảng. 	

<p>*Luyện tập-thực hành:</p> <p>Bài 1: Tính nhẩm</p> <p>a) 34×11 ; b) 11×95 ; c) 82×11</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c HS tự nhẩm & ghi kqua vào VBT. - GV: Gọi 3HS nêu cách nhẩm của 3 phần. <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Y/c HS đọc đê. - GV: Y/c HS làm bài. - GV: Nxét HS. <p>3) Củng cố-dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: T/kết giờ học, dặn : \triangle Làm BT & CBB sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS nêu. - HS: Nhẩm & nêu cách nhẩm. <p>Giải :</p> <p>a) $34 \times 11 = 374$; b) $11 \times 95 = 1045$ c) $82 \times 11 = 902$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài, sau đó đổi chéo vở ktra nhau. - 2HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT. - HS: Đọc đê. - 1HS lên bảng làm, cả lớp làm VBT (có thể có 2 cách giải). <p>Giải :</p> <p>Số học sinh khối lớp Bốn là: $17 \times 11 = 187$ (học sinh)</p> <p>Số học sinh khối lớp Năm là: $15 \times 11 = 165$ (học sinh)</p> <p>Tổng số học sinh 2 khối lớp là: $187 + 165 = 352$ (học sinh)</p>
--	--

Tuần 13 – Tiết 2

Đoán : NHÂN VỚI SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

I. MỤC TIÊU: Giúp HS:

- Biết cách nhân với số có ba chữ số.
- Tính được giá trị của biểu thức.

II. HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG HỌC SINH	BỔ SUNG
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 2HS lên y/c làm BT ltập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, nxét HS. <p>2) Dạy-học bài mới:</p> <p>*Ghiệu: Bài học hôm nay sẽ giúp biết cách th/h phép nhân với số có ba chữ số.</p> <p>*Phép nhân 164 x 123</p> <p><i>a. Đi tìm kết quả:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Viết phép nhân: 164×123. - GV: Y/c HS áp dụng t/ch 1 số nhân 1 tổng để tính. - Vậy 164×123 bằng bn? <p><i>b. Hdẫn đặt tính & tính:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu vđề: Để tính 164×123, theo cách tính trên ta phải th/h 3 phép nhân là 164×100, 164×20 & 164×3, sau đó th/h 1 phép tính cộng $16400 + 3280 + 492$ rất mất công. Để tránh 	<ul style="list-style-type: none"> - 2HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, nxét bài làm của bạn. <p>- HS: Nhắc lại đê bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tính: $164 \times 123 = 164 \times (100+20+3)$ $= 164 \times 100 + 164 \times 20 + 164 \times 3$ $= 16400 + 3280 + 492 = 20172$ - Bằng 20172. 	